CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63/2016/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 01 tháng 7 năm 2016*

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định đối với ô tô, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo bởi ô tô và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe cơ giới) và việc cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý, kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Nghị định này không áp dụng đối với cơ quan, tổ chức và cá nhân thực hiện kiểm định xe cơ giới của quân đội, công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Kiểm định xe cơ giới (sau đây gọi tắt là kiểm định) là việc kiểm tra định kỳ về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.

2. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ (sau đây gọi tắt là giấy chứng nhận kiểm định) là chứng chỉ xác nhận xe cơ giới đã được kiểm định và đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

3. Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới (sau đây gọi tắt là đơn vị đăng kiểm) là các tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật, cung cấp dịch vụ công thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới.

4. Xưởng kiểm định là khu vực bố trí các vị trí, thiết bị kiểm tra, thiết bị hỗ trợ, dụng cụ kiểm tra.

5. Dây chuyền kiểm định là nơi bố trí vị trí kiểm định, lắp đặt các thiết bị kiểm tra. Dây chuyền kiểm định gồm có hai loại:

a) Dây chuyền kiểm định loại I: Kiểm định được xe cơ giới có khối lượng khi kiểm định phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg;

b) Dây chuyền kiểm định loại II: Kiểm định được xe cơ giới có khối lượng khi kiểm định phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg.

6. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm là người chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai các quy định trong kiểm định tại đơn vị đăng kiểm, người ký giấy chứng nhận kiểm định.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động dịch vụ kiểm định xe cơ giới

1. Chỉ những tổ chức được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới mới được phép kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

2. Tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới không được kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa xe cơ giới hoặc có liên quan trực tiếp với tổ chức kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa xe cơ giới. Nếu tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới là công ty cổ phần thì tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bảo dưỡng, sửa chữa xe cơ giới chỉ được nắm giữ không quá 10% cổ phần của tổ chức kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Chương II
ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 5. Điều kiện chung về kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

1. Việc thành lập đơn vị đăng kiểm phải phù hợp Quy hoạch tổng thể mạng lưới các đơn vị đăng kiểm và dây chuyền kiểm định.

2. Tổ chức đáp ứng điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị, nhân lực theo quy định tại Chương này được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

Mục 1
ĐIỀU KIỆN CƠ SỞ VẬT CHẤT

Điều 6. Diện tích mặt bằng của đơn vị đăng kiểm

1. Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại I, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.250 m^2.

2. Đối với đơn vị đăng kiểm có một dây chuyền kiểm định loại II, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 1.500 m^2.

3. Đối với đơn vị đăng kiểm có hai dây chuyền kiểm định, diện tích mặt bằng tối thiểu sử dụng cho hoạt động kiểm định là 2.500 m^2.

4. Đối với đơn vị đăng kiểm có từ ba dây chuyền kiểm định trở lên thì diện tích sử dụng cho hoạt động kiểm định từ dây chuyền thứ 3 trở lên tăng thêm tương ứng cho mỗi dây chuyền không nhỏ hơn 625 m^2.

Điều 7. Xưởng kiểm định

1. Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại I: Kích thước thông xe tối thiểu (Dài x Rộng x Cao) là 30 x 4 x 3,5 (m).

2. Xưởng kiểm định chỉ có một dây chuyền kiểm định loại II: Kích thước thông xe tối thiểu (Dài x Rộng x Cao) là 36 x 5 x 4,5 (m).

3. Đối với xưởng kiểm định có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4 m và khoảng cách từ tâm dây chuyền ngoài cùng đến mặt trong tường bao của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m.

4. Đối với trường hợp dây chuyền kiểm định bố trí tại nhiều xưởng kiểm định thì tổng chiều dài tối thiểu các xưởng kiểm định phải bằng chiều dài tương ứng với loại dây chuyền quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 8. Nhà văn phòng, bãi đỗ xe, đường nội bộ

1. Đơn vị đăng kiểm có nhà văn phòng, phòng chờ cho lái xe và người đưa xe vào kiểm định (sau đây gọi tắt là chủ xe).

2. Hệ thống đường cho xe cơ giới ra vào xưởng kiểm định, đường giao thông nội bộ, chiều rộng mặt đường không nhỏ hơn 3 m, bãi đỗ xe phải được phủ bê tông nhựa đường hoặc bê tông xi măng.

Điều 9. Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra

1. Thiết bị kiểm tra của một dây chuyền kiểm định gồm:

a) Thiết bị kiểm tra phanh;

b) Thiết bị cân khối lượng;

c) Thiết bị đo độ trượt ngang của bánh xe;

d) Thiết bị phân tích khí xả;

đ) Thiết bị đo độ khói;

e) Thiết bị đo độ ồn. Đối với đơn vị đăng kiểm có từ 02 dây chuyền kiểm định trở lên bố trí trong cùng một xưởng kiểm định thì chỉ cần trang bị tối thiểu 01 thiết bị đo độ ồn;

g) Thiết bị kiểm tra đèn chiếu sáng phía trước;

h) Thiết bị hỗ trợ kiểm tra gầm;

i) Thiết bị nâng (cầu nâng) xe cơ giới hoặc hầm kiểm tra;

k) Thiết bị gia tải động cơ (đối với trường hợp thực hiện quy trình kiểm tra khí thải của xe cơ giới bằng phương pháp có gia tải).

2. Thiết bị kiểm tra của mỗi dây chuyền kiểm định có thể bố trí trong nhiều xưởng kiểm định hoặc ngoài xưởng kiểm định.

3. Thiết bị kiểm tra phải đảm bảo:

a) Có chương trình phần mềm điều khiển tập trung, thống nhất, có chức năng điều khiển quá trình hoạt động của thiết bị theo quy trình kiểm định, cài đặt được các tiêu chuẩn đánh giá, thiết lập trình tự kiểm định tùy thuộc vào phương án bố trí thiết bị kiểm tra (trừ các thiết bị quy định tại điểm b, điểm h và điểm i khoản 1 Điều này);

b) Chương trình phần mềm điều khiển phải có ngôn ngữ tiếng Việt cho tất cả các tính năng;

c) Cơ sở dữ liệu của chương trình phần mềm điều khiển phải được bảo mật theo yêu cầu của việc kiểm định và kết nối được để truyền dữ liệu về cơ sở dữ liệu kiểm định xe cơ giới chung của cả nước tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Thiết bị kiểm tra trước khi đưa vào sử dụng và trong quá trình sử dụng phải được kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định; tính năng kỹ thuật của thiết bị phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định, hiệu chuẩn.

5. Dụng cụ kiểm tra đối với một dây chuyền kiểm định gồm:

a) Dụng cụ kiểm tra áp suất hơi lốp;

b) Đèn soi;

c) Búa chuyên dùng kiểm tra;

d) Thước đo chiều dài;

đ) Kích trên hầm kiểm tra (nếu có hầm kiểm tra).

Điều 10. Quy định về thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu

1. Có đường kết nối internet đảm bảo việc truyền dữ liệu, hình ảnh kiểm định, có địa chỉ IP tĩnh và thiết bị để tạo kết nối mạng riêng ảo (VPN) với hệ thống máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

2. Đơn vị đăng kiểm phải lưu trữ dữ liệu kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

3. Máy chủ, các máy tính được nối mạng nội bộ và cài đặt các phần mềm quản lý thông tin kiểm định, điều khiển thiết bị kiểm tra trên dây chuyền kiểm định để phục vụ công tác quản lý phù hợp với quy trình nghiệp vụ kiểm định. Dữ liệu của các phần mềm này được lưu trữ trên máy chủ của đơn vị đăng kiểm và đồng bộ hóa qua mạng riêng ảo (VPN) với cơ sở dữ liệu kiểm định tập trung trên hệ thống máy chủ của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

4. Các trang thiết bị khác gồm:

a) Thiết bị văn phòng;

b) Camera hoặc máy ảnh kỹ thuật số chụp ảnh xe cơ giới vào kiểm định;

c) Camera IP để giám sát việc kiểm định xe cơ giới trên dây chuyền; lưu trữ được hình ảnh xe cơ giới kiểm định (dạng video) tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày kiểm định;

d) Có màn hình tại phòng chờ để chủ xe theo dõi hình ảnh kiểm tra xe trong quá trình kiểm định;

đ) Có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy, bảo hộ, an toàn lao động và vệ sinh môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Có hệ thống tiếp nhận thông tin đăng ký kiểm định trước của chủ xe qua điện thoại, website hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.

Mục 2
ĐIỀU KIỆN NHÂN LỰC

Điều 11. Đăng kiểm viên

Đăng kiểm viên gồm hai hạng: Đăng kiểm viên xe cơ giới và Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

1. Đăng kiểm viên xe cơ giới:

a) Trình độ chuyên môn: Tốt nghiệp đại học trở lên chuyên ngành đào tạo Cơ khí ô tô, Công nghệ kỹ thuật ô tô hoặc ngành đào tạo Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ kỹ thuật cơ khí trong chương trình đào tạo phải có các nội dung sau: Lý thuyết ô tô, Cấu tạo ô tô, Kết cấu tính toán ô tô, Bảo dưỡng kỹ thuật ô tô, Động cơ đốt trong và Điện ô tô hoặc các môn học tương đương. Trường hợp không có các môn học trên, có thể đào tạo bổ sung tại các trường đại học;

b) Trình độ tiếng Anh tối thiểu trình độ B hoặc tương đương;

c) Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới theo nội dung do Bộ Giao thông vận tải quy định;

d) Có tối thiểu 12 tháng thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên tại đơn vị đăng kiểm sau khi hoàn thành tập huấn;

đ) Có kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới đạt yêu cầu;

e) Có giấy phép lái xe ô tô còn hiệu lực.

2. Đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao:

a) Là đăng kiểm viên xe cơ giới có kinh nghiệm tối thiểu 36 tháng;

b) Được tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao theo nội dung do Bộ Giao thông vận tải quy định;

c) Có kết quả đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao đạt yêu cầu.

Điều 12. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Người đáp ứng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này có quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên. Hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên;

b) Lý lịch chuyên môn theo mẫu quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này (đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới lần đầu và cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên xe cơ giới sau khi bị thu hồi);

c) Bản sao được cấp từ sổ gốc, hoặc bản sao được chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu bằng tốt nghiệp đại học, bảng điểm đại học trở lên (đối với hạng đăng kiểm viên xe cơ giới) và các chứng chỉ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này;

d) Văn bản xác nhận thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên của đơn vị đăng kiểm (đối với hạng đăng kiểm viên xe cơ giới);

đ) Chứng chỉ tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên;

e) 01 ảnh mầu cỡ 4 cm x 6 cm, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

2. Trình tự, cách thức thực hiện

a) Tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và nộp đến Cục Đăng kiểm Việt Nam. Đối với hạng đăng kiểm viên xe cơ giới, việc nộp hồ sơ phải được thực hiện trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày hoàn thành thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên;

b) Cục Đăng kiểm Việt Nam tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ; nếu đạt yêu cầu thì thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên thời gian tiến hành đánh giá thực tế nghiệp vụ trên dây chuyền kiểm định và đánh giá việc nắm vững các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định; nếu không đạt thì phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

c) Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên, kết quả đánh giá được ghi vào biên bản đánh giá đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục II kèm theo Nghị định này; nếu kết quả đánh giá đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong vòng 05 ngày làm việc, kể từ ngày đánh giá. Trường hợp đánh giá không đạt, tổ chức, cá nhân được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại sau 06 tháng, kể từ ngày đánh giá;

d) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp, qua hệ thống bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.

3. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo mẫu quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định này và có thời hạn hiệu lực là 36 tháng, kể từ ngày cấp, được cấp lại trong trường hợp hết hạn, bị mất, bị hỏng. Thời hạn của giấy chứng nhận được cấp lại không được vượt quá thời hạn của giấy chứng nhận đã cấp trước đó, trừ trường hợp cấp lại do hết thời hạn.

Điều 13. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Trong thời hạn 30 ngày trước khi giấy chứng nhận đăng kiểm viên hết thời hạn hiệu lực, đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên (kèm theo 01 ảnh màu cỡ 4 cm x 6 cm, kiểu thẻ căn cước, chụp trong thời gian không quá 06 tháng) về Cục Đăng kiểm Việt Nam. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận được đơn đề nghị, Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên tại đơn vị đăng kiểm nơi đăng kiểm viên làm việc, nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau 03 ngày làm việc kể từ ngày đánh giá, nếu không đạt thì ghi rõ nguyên nhân không đạt vào biên bản đánh giá đăng kiểm viên; đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên được quyền đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam đánh giá lại sau 01 tháng, kể từ ngày đánh giá không đạt.

2. Trường hợp giấy chứng nhận đăng kiểm viên bị mất, bị hỏng thì đăng kiểm viên gửi đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên về Cục Đăng kiểm Việt Nam, đồng thời dừng việc tham gia kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm. Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ hồ sơ lưu để cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị, trong đó ghi rõ là giấy chứng nhận đăng kiểm viên được cấp lại và hủy bỏ hiệu lực giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp bị mất, bị hỏng.

Điều 14. Đình chỉ đăng kiểm viên

Đăng kiểm viên bị đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định từ 01 tháng đến 03 tháng trong các trường hợp sau

1. Làm sai lệch kết quả kiểm định.

2. Không tuân thủ đúng quy định tại các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong kiểm định.

Điều 15. Thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên

Đăng kiểm viên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong các trường hợp sau

1. Làm giả các hồ sơ để được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

2. Không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản và khoản 2 Điều 11 của Nghị định này.

3. Làm sai lệch kết quả kiểm định, không tuân thủ đúng quy định tại các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn gây hậu quả nghiêm trọng.

4. Bị đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định quá 02 lần trong thời gian 12 tháng.

5. Bị kết tội bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

6. Bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.

7. Không công tác tại bất kỳ đơn vị đăng kiểm nào quá 12 tháng trở lên.

8. Đồng thời làm việc tại 02 đơn vị đăng kiểm trở lên.

Điều 16. Trình tự đình chỉ tham gia hoạt động kiểm định, thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử.

2. Đăng kiểm viên phải nộp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho Cục Đăng kiểm Việt Nam (đối với trường hợp bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên), đồng thời dừng việc tham gia kiểm định xe cơ giới tại đơn vị đăng kiểm ngay sau khi quyết định thu hồi có hiệu lực.

3. Đăng kiểm viên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên chỉ được đề nghị cấp lại sau 36 tháng kể từ ngày bị thu hồi sau khi đã tập huấn lại nghiệp vụ đăng kiểm viên.

Điều 17. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định

1. Trình độ chuyên môn tối thiểu tốt nghiệp trung cấp nghề.

2. Tiếng Anh tối thiểu trình độ A hoặc tương đương.

3. Được tập huấn và cấp chứng chỉ tập huấn nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 18. Phụ trách dây chuyền kiểm định

1. Phải là đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

2. Được tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bổ nhiệm.

Điều 19. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm

1. Phải là đăng kiểm viên xe cơ giới và đã thực hiện nhiệm vụ của đăng kiểm viên tối thiểu 36 tháng.

2. Được tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bổ nhiệm.

Điều 20. Số lượng đăng kiểm viên, số lượng xe cơ giới được kiểm định của đơn vị đăng kiểm

1. Để thực hiện hoạt động kiểm định, mỗi dây chuyền kiểm định phải có tối thiểu 03 đăng kiểm viên, trong đó ít nhất 01 đăng kiểm viên xe cơ giới bậc cao.

2. Phải có phụ trách dây chuyền kiểm định. Mỗi phụ trách dây chuyền kiểm định chỉ được phụ trách tối đa 02 dây chuyền.

3. Số lượng xe cơ giới được cấp giấy chứng nhận kiểm định trong ngày (tính trong 08 giờ làm việc) phải thỏa mãn đồng thời các quy định như sau:

a) Trường hợp mỗi đăng kiểm viên kiểm tra 01 xe thì không quá 20 xe/01 ngày đối với 01 đăng kiểm viên; trường hợp nhiều hơn 01 đăng kiểm viên kiểm tra 01 xe thì không quá 20 lần số lượng đăng kiểm viên/01 ngày (số lượng đăng kiểm viên* 20);

b) Không quá 90 xe đối với 01 dây chuyền kiểm định loại I và không quá 70 xe đối với 01 dây chuyền kiểm định loại II.

Chương III
CẤP, ĐÌNH CHỈ HOẠT ĐỘNG, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Điều 21. Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, lắp đặt cơ sở vật chất kỹ thuật của đơn vị đăng kiểm, đơn vị đăng kiểm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ

điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam, hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị kiểm tra cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Danh sách trích ngang các chức danh làm việc tại đơn vị đăng kiểm kèm hợp đồng lao động theo quy định hoặc quyết định tiếp nhận đối với đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ kiểm định; quyết định bổ nhiệm đối với phụ trách dây chuyền kiểm định và người đứng đầu đơn vị đăng kiểm;

c) Danh mục thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu theo quy định tại Điều 9, Điều của 10 Nghị định này.

2. Trình tự, cách thức thực hiện cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

a) Trong vòng 03 ngày làm việc, nếu hồ sơ đạt yêu cầu, Cục Đăng kiểm Việt Nam thông báo cho đơn vị đăng kiểm về thời gian kiểm tra, đánh giá thực tế đơn vị đăng kiểm; nếu không đạt, Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo cho tổ chức bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do;

b) Trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày thông báo kiểm tra, đánh giá, Cục Đăng kiểm Việt Nam tiến hành kiểm tra, đánh giá thực tế, kết quả đánh giá được lập thành biên bản theo mẫu quy định tại Phụ lục IV kèm theo Nghị định này. Nếu đạt yêu cầu thì cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong thời hạn 05 ngày làm việc; nếu kết quả kiểm tra, đánh giá không đạt yêu cầu thì Cục Đăng kiểm Việt Nam phải thông báo bằng văn bản trong vòng 03 ngày làm việc để tổ chức khắc phục và tiến hành kiểm tra, đánh giá lại.

3. Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả được thực hiện trực tiếp, qua hệ thống bưu điện hoặc thông qua dịch vụ công trực tuyến.

4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo mẫu quy định tại Phụ lục V kèm theo Nghị định này, được cấp lại trong trường hợp bị mất, bị hỏng hoặc trong trường hợp có sự thay đổi về nhân sự, vị trí, mặt bằng, xưởng kiểm định, bố trí dây chuyền kiểm định, thiết bị kiểm tra.

Điều 22. Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Việc cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới do bị thu hồi được thực hiện như cấp lần đầu theo quy định tại Điều 21 của Nghị định này.

2. Trường hợp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị mất, bị hỏng thì đơn vị đăng kiểm gửi văn bản đề nghị cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đến Cục Đăng kiểm Việt Nam, đồng thời dừng hoạt động kiểm định xe cơ giới. Cục Đăng kiểm Việt Nam căn cứ hồ sơ lưu để cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới sau 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị, trong đó ghi rõ là giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được cấp lại và hủy bỏ hiệu lực của giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp bị mất, bị hỏng.

Điều 23. Đình chỉ hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới

Đơn vị đăng kiểm bị đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới từ 01 tháng đến 03 tháng, trong các trường hợp sau:

1. Không đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu theo quy định của Nghị định này.

2. Thực hiện kiểm định khi tình trạng thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra đã bị hỏng, không bảo đảm tính chính xác, chưa được kiểm định, đánh giá, hiệu chuẩn theo quy định.

3. Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới không đúng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy định, thẩm quyền.

4. Có từ 03 lượt đăng kiểm viên trở lên bị đình chỉ hoặc từ 02 đăng kiểm viên trở lên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng.

5. Sử dụng, phân công đăng kiểm viên kiểm định không phù hợp nội dung giấy chứng nhận đăng kiểm viên.

Điều 24. Thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

Đơn vị đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới trong trường hợp sau:

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới được cấp do gian lận, làm giả các hồ sơ, giấy tờ, tài liệu.

2. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới bị cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

3. Không triển khai hoạt động kiểm định sau 06 tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định.

4. Ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới quá 06 tháng liên tục.

5. Bị đình chỉ toàn bộ hoạt động kiểm định xe cơ giới quá 02 lần trong thời gian 12 tháng.

6. Có từ 05 lượt đăng kiểm viên trở lên bị đình chỉ hoặc từ 03 đăng kiểm viên trở lên bị thu hồi giấy chứng nhận đăng kiểm viên trong thời gian 12 tháng.

7. Đơn vị đăng kiểm bị giải thể hoặc có đề nghị thu hồi.

Điều 25. Trình tự đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành quyết định đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện và công bố trên trang thông tin điện tử.

2. Đơn vị đăng kiểm phải nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho Cục Đăng kiểm Việt Nam Nam đối với trường hợp bị thu hồi, đồng thời dừng việc kiểm định xe cơ giới ngay sau khi quyết định có hiệu lực.

3. Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm bị thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới không được hoạt động trong lĩnh vực kiểm định xe cơ giới trong thời gian 36 tháng, kể từ ngày thu hồi, trừ tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm là đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Khi bị đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, người đứng đầu đơn vị đăng kiểm và đăng kiểm viên trực tiếp thực hiện việc kiểm định vẫn tiếp tục phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả kiểm định do đơn vị mình đã cấp ra còn hiệu lực.

5. Khi bị đình chỉ hoạt động, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, tổ chức, cá nhân có liên quan phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Thủ tục ngừng hoạt động kiểm định xe cơ giới

1. Trường hợp bị dừng hoạt động đột ngột quá 01 ngày liên tục do các điều kiện khách quan thì đơn vị đăng kiểm phải báo cáo Sở Giao thông vận tải địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam và nêu rõ lý do ngừng hoạt động, phương án khắc phục; thông báo tại phòng chờ cho chủ xe và duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về việc kiểm định; việc khắc phục phải hoàn thành trong thời hạn 01 tháng.

2. Trường hợp đơn vị đăng kiểm đề nghị ngừng hoạt động đến 06 tháng liên tục:

a) Đơn vị đăng kiểm phải báo cáo Sở Giao thông vận tải địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam bằng văn bản và nêu rõ lý do, thời gian ngừng hoạt động trước thời điểm ngừng hoạt động 30 ngày, đồng thời thông báo tại phòng chờ cho chủ xe;

b) Phải duy trì bộ phận giải quyết các công việc liên quan đến hồ sơ về việc kiểm định.

3. Trường hợp đơn vị đăng kiểm đề nghị ngừng hoạt động trên 06 tháng liên tục:

a) Đơn vị đăng kiểm phải báo cáo Sở Giao thông vận tải địa phương, Cục Đăng kiểm Việt Nam bằng văn bản và nêu rõ lý do, thời gian ngừng hoạt động trước thời điểm ngừng hoạt động 30 ngày, đồng thời thông báo tại phòng chờ cho chủ xe;

b) Nộp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

c) Chuyển toàn bộ hồ sơ của xe cơ giới do đơn vị quản lý đến đơn vị đăng kiểm khác theo hướng dẫn của Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan xây dựng, phê duyệt quy hoạch tổng thể mạng lưới các đơn vị đăng kiểm và dây chuyền kiểm định;

b) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện, thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm việc thực hiện các quy định của Nghị định này.

2. Bộ Tài chính ban hành, hướng dẫn thực hiện các quy định về thu chi tài chính trong lĩnh vực kiểm định xe cơ giới.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Giao thông vận tải, các cơ quan tại địa phương có chức năng quản lý nhà nước về việc kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới đối với các đơn vị đăng kiểm trên địa bàn theo quy định của Nghị định này; bố trí quỹ đất phục vụ xây dựng các đơn vị đăng kiểm phù hợp với Quy hoạch tổng thể mạng lưới các đơn vị đăng kiểm và dây chuyền kiểm định.

4. Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm

a) Chịu trách nhiệm về sự hợp pháp của hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Thống nhất với Cục Đăng kiểm Việt Nam trước khi triển khai xây dựng nhà xưởng kiểm định nhằm đảm bảo phù hợp quy hoạch tổng thể mạng lưới các đơn vị đăng kiểm và dây chuyền kiểm định;

c) Đảm bảo hoạt động của đơn vị đăng kiểm đúng quy định;

d) Thực hiện quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền khi đơn vị đăng kiểm vi phạm điều kiện kinh doanh, hoạt động kiểm định;

đ) Đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định của pháp luật.

5. Cục Đăng kiểm Việt Nam

a) Tổ chức thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Giao thông vận tải về kinh doanh dịch vụ kiểm định;

b) Định kỳ hàng năm, kiểm tra, đánh giá việc duy trì các điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu, hồ sơ, chế độ báo cáo hoạt động kiểm định của đơn vị đăng kiểm; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra;

c) Xây dựng, quản lý, hướng dẫn sử dụng thống nhất chương trình phần mềm quản lý kiểm định, cơ sở dữ liệu kiểm định trên cả nước, nối mạng truyền số liệu và quản lý dữ liệu xe cơ giới kiểm định;

d) Lập kế hoạch và thực hiện tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm viên xe cơ giới, nhân viên nghiệp vụ kiểm định theo đề nghị của các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới, cá nhân, tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm xe cơ giới; tập huấn chuyên môn, nội dung, quy trình kiểm định theo quy định của Bộ Giao thông vận tải;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm định theo quy định;

e) Xử lý, đề xuất xử lý kỷ luật theo quy định đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm điều kiện theo các quy định của Nghị định này;

g) Công bố trên trang thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền danh sách các đơn vị đăng kiểm được cấp, đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới.

6. Đơn vị đăng kiểm:

a) Tuân thủ các quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan về các điều kiện kinh doanh và hoạt động kiểm định xe cơ giới;

b) Thực hiện kiểm định và cấp giấy chứng nhận kiểm định cho xe cơ giới theo đúng quy định;

c) Duy trì điều kiện cơ sở vật chất, nhân lực, thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra, thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu;

d) Thu phí, lệ phí kiểm định và các loại, phí, lệ phí khác theo quy định của pháp luật;

đ) Sau 18 tháng kể từ khi được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới, đơn vị đăng kiểm phải xây dựng, áp dụng, duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001;

e) Niêm yết công khai tại phòng chờ, xưởng kiểm định về quy trình, nội dung kiểm định; giá, phí, lệ phí, chu kỳ kiểm định, số điện thoại đường dây nóng của Cục Đăng kiểm Việt Nam và các nội dung khác theo quy định;

g) Thực hiện hoặc phối hợp thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác đảm bảo an toàn giao thông, tình trạng kỹ thuật của phương tiện và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

h) Đảm bảo thời gian hoạt động kiểm định bình thường tối thiểu 08 giờ/01 ngày và 05 ngày/01 tuần; thông báo công khai thời gian kiểm định tại trụ sở đơn vị đăng kiểm;

i) Bảo mật thông tin về cá nhân của chủ xe và cơ sở dữ liệu kiểm định, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền;

k) Chịu sự thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền về điều kiện kinh doanh và trong quá trình hoạt động kiểm định xe cơ giới;

l) Thực hiện việc truyền số liệu, báo cáo theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 28. Điều khoản chuyển tiếp

1. Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực ghi trên giấy. Các đơn vị đăng kiểm đã được chấp thuận đề nghị thành lập và không thỏa mãn quy định tại Nghị định này vẫn được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới theo quy định tại thời điểm cấp văn bản chấp thuận đề nghị thành lập.

2. Giấy chứng nhận đăng kiểm viên đã cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị cho đến hết thời hạn hiệu lực. Các cá nhân đang trong quá trình tập huấn, thực tập nghiệp vụ đăng kiểm viên vẫn được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên theo quy định tại thời điểm tập huấn.

3. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các đơn vị đăng kiểm xe cơ giới đã thành lập, đã được chấp thuận đề nghị thành lập, các đăng kiểm viên đã được cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định này, trừ các trường hợp quy định tại điểm a và điểm d khoản 1 Điều 11 của Nghị định này. Trường hợp cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên cho đăng kiểm viên, cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới cho đơn vị đăng kiểm không thỏa mãn quy định tại Nghị định này trước thời hạn 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định áp dụng đối với việc cấp giấy chứng nhận cũ, thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận không quá 03 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 29. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc

Phụ lục I

MẪU LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

(Kèm theo Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN

(Sử dụng đối với trường hợp đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên lần đầu và cấp lại giấy chứng nhận đăng kiểm viên sau khi bị thu hồi)

Phần I
TỰ THUẬT VỀ BẢN THÂN

1. Họ và tên: Ngày, tháng, năm sinh:
2. Nơi sinh: Giới tính:
3. Dân tộc: Tôn giáo:
4. Quê quán:
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
6. Chỗ ở hiện nay:
7. Trình độ chuyên môn cao nhất:
8. Trình độ ngoại ngữ:
9. Đơn vị công tác:
10. Đào tạo chuyên môn

Tên trường	Chuyên ngành đào tạo, bồi dưỡng	Từ tháng, năm, đến tháng, năm	Hình thức đào tạo	Văn bằng, chứng chỉ, trình độ gì

11. Tập huấn nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới

Tên lớp tập huấn	Địa điểm tập huấn	Từ tháng, năm, đến tháng, năm	Xếp loại kết quả

12. Tóm tắt quá trình công tác

Từ tháng, năm, đến tháng, năm	Chức danh	Chức vụ	Đơn vị công tác

13. Khen thưởng kỷ luật

Hình thức khen thưởng, kỷ luật	Ngày ra quyết định	Thời hạn kỷ luật *(đối với trường hợp bị kỷ luật)*	Cơ quan ra quyết định

Phần II
TỰ ĐÁNH GIÁ BẢN THÂN

Đối chiếu với điều kiện Đăng kiểm viên kiểm định xe cơ giới.....

Tôi tự xác định như sau:

- Về phẩm chất đạo đức:
- Về chuyên môn:
- Về trình độ ngoại ngữ:
- Về trình độ nghiệp vụ đăng kiểm xe cơ giới:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu có gì sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

....., ngày..... tháng..... năm.....
Người khai
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Xác nhận của cơ quan, đơn vị quản lý người đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên
(Ký tên, đóng dấu, trừ trường hợp người đề nghị là cá nhân)

Phụ lục II

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Kèm theo Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN ĐÁNH GIÁ ĐĂNG KIỂM VIÊN

Hôm nay, ngày... tháng... năm..., tại..... Chúng tôi gồm:

1. Ông (bà):....., ...;

2. Ông (bà):....., ...;

3. Ông (bà):....., ...;

Đã tiến hành đánh giá nghiệp vụ đăng kiểm viên của Ông (Bà)

.....

I. Tự đánh giá của người đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên	**Đạt**	**Không đạt**
1) Kiểm tra Công đoạn 1 và Lập Hồ sơ phương tiện	☐	☐
2) Kiểm tra Công đoạn 2	☐	☐
3) Kiểm tra Công đoạn 3	☐	☐
4) Kiểm tra Công đoạn 4	☐	☐
5) Kiểm tra Công đoạn 5	☐	☐

II. Kết quả đánh giá	**Đạt**	**Không đạt**
1) Kiểm tra Công đoạn 1 và lập Hồ sơ phương tiện	☐	☐
2) Kiểm tra Công đoạn 2	☐	☐
3) Kiểm tra Công đoạn 3	☐	☐
4) Kiểm tra Công đoạn 4	☐	☐
5) Kiểm tra Công đoạn 5	☐	☐

III. Lý do không đạt *(nếu có cần ghi rõ các lỗi)*

.....
.....
.....
.....
.....

IV. Yêu cầu khắc phục

.....
.....
.....
.....
.....

Biên bản đã được thông qua và lập thành 03 bản có giá trị như nhau, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm (hoặc tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm), một bản gửi về Cục Đăng kiểm Việt Nam, một bản do người đề nghị cấp giấy chứng nhận đăng kiểm viên giữ.

Đơn vị đăng kiểm/Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Đăng kiểm viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)*	**Đánh giá viên** *(Ký, ghi rõ họ tên)*

Phụ lục III

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

(Kèm theo Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KIỂM VIÊN

Số:.....

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Cấp cho Ông/Bà:

Ngày sinh:

Quê quán:

Hạng đăng kiểm viên:

Mã số đăng kiểm viên:

ĐƯỢC THỰC HIỆN KIỂM TRA CÁC CÔNG ĐOẠN TRONG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI NHƯ SAU

Công đoạn 1 và Lập Hồ sơ phương tiện	Công đoạn 2	Công đoạn 3	Công đoạn 4	Công đoạn 5
☐	☐	☐	☐	☐

Giấy chứng nhận đăng kiểm viên này có giá trị hiệu lực đến hết ngày:.../.../....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
(Ký tên, đóng dấu)

ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM VIETNAM REGISTER

Phụ lục IV

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

(Kèm theo Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ
ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI

Số:.....

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại....., Đoàn kiểm tra, đánh giá của Cục Đăng kiểm Việt Nam và..... đã thống nhất các nội dung kiểm tra, đánh giá đơn vị đăng kiểm xe cơ giới..... và kết luận như sau:

1. Diện tích mặt bằng của đơn vị đăng kiểm

.....

.....

2. Xưởng kiểm định

.....

.....

3. Nhà văn phòng, bãi đỗ xe, đường nội bộ

.....

.....

4. Thiết bị kiểm tra, dụng cụ kiểm tra

.....

.....

5. Thiết bị thông tin, lưu trữ, truyền số liệu

.....

.....

6. Đăng kiểm viên

.....

.....

7. Nhân viên nghiệp vụ kiểm định

.....

.....

8. Phụ trách dây chuyền kiểm định

.....

.....

9. Người đứng đầu đơn vị đăng kiểm

.....

.....

10. Thực hiện quy trình kiểm định của đơn vị đăng kiểm, đăng kiểm viên

.....

.....

11. Các sổ theo dõi, chế độ báo cáo, quản lý, sử dụng ấn chỉ kiểm định

.....

.....

12. Các nội dung khác (an toàn vệ sinh lao động; chữa cháy; ISO 9001;...)

.....

.....

13. Yêu cầu sửa chữa, khắc phục những vấn đề sau:

.....

.....

.....

.....

.....

Kết luận:

☐ Đơn vị đăng kiểm..... đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

☐ Đơn vị đăng kiểm..... không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.

Biên bản đã được thông qua và lập thành 02 bản có giá trị như nhau, một bản lưu tại đơn vị đăng kiểm (hoặc tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm), một bản lưu tại Cục Đăng kiểm Việt Nam.

Đơn vị đăng kiểm/Tổ chức thành lập đơn vị đăng kiểm *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*	**Trưởng đoàn kiểm tra, đánh giá** *(Ký, ghi rõ họ và tên)*

Phụ lục V
MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI
(Kèm theo Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI **CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Số:.....

Căn cứ Nghị định số..... /NĐ-CP ngày /6/2016 của Chính phủ;

Căn cứ Biên bản kiểm tra, đánh giá đơn vị đăng kiểm xe cơ giới số..... ngày..... tháng..... năm....

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM CẤP
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG KIỂM ĐỊNH XE CƠ GIỚI

Cho:..... Mã số:.....

Địa chỉ: .....

Số lượng dây chuyền kiểm định được hoạt động kiểm định: .....

Số lượng, loại dây chuyền kiểm định của đơn vị đăng kiểm: Số lượng:.....

- Dây chuyền số.....: Dây chuyền kiểm định loại.....
- Dây chuyền số.....: Dây chuyền kiểm định loại.....
- Dây chuyền số.....: Dây chuyền kiểm định loại.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:.....